

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày /7/2026 của TTYT KV Chi Lăng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	114,39005
I	Nguồn ngân sách trong nước	114,39005
1	Chi quản lý hành chính	0,00
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ.	0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0,00
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0,00
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0,00
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	114,39005
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	114,39005
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00
II	Nguồn vốn viện trợ	0,00
1	Chi quản lý hành chính	0,00
1.1	Dự án A	0,00
1.2	Dự án B	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00
2.1	Dự án A	0,00
2.2	Dự án B	0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0,00
3.1	Dự án A	0,00
3.2	Dự án B	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
4.1	Dự án A	0,00
4.2	Dự án B	0,00
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00
5.1	Dự án A	0,00
2.2	Dự án B	0,00
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
6.1	Dự án A	0,00
6.2	Dự án B	0,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00
7.1	Dự án A	0,00
7.2	Dự án B	0,00
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00
8.1	Dự án A	0,00
8.2	Dự án B	0,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00
9.1	Dự án A	0,00
9.2	Dự án B	0,00
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00
10.1	Dự án A	0,00
10.2	Dự án B	0,00
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0,00
1	Chi quản lý hành chính	0,00
1.1	Dự án A	0,00
1.2	Dự án B	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00
2.1	Dự án A	0,00
2.2	Dự án B	0,00

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0,00
3.1	Dự án A	0,00
3.2	Dự án B	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00
4.1	Dự án A	0,00
4.2	Dự án B	0,00
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00
5.1	Dự án A	0,00
2.2	Dự án B	0,00
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
6.1	Dự án A	0,00
6.2	Dự án B	0,00
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00
7.1	Dự án A	0,00
7.2	Dự án B	0,00
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00
8.1	Dự án A	0,00
8.2	Dự án B	0,00
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00
9.1	Dự án A	0,00
9.2	Dự án B	0,00
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00
10.1	Dự án A	0,00
10.2	Dự án B	0,00